

Thứ sáu, ngày 7 tháng 6 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phục hồi tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/6/2019		•	
Tuần 10/6-14/6/2019		•	
Tháng 6/2019		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index tăng nhẹ trong phiên sáng, đà tăng ở phiên sáng được cải thiện trong phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VHM (+1.9 điểm); GAS (+1.82 điểm); VIC (+1.09 điểm); HVN (+0.72 điểm); SAB (+0.45 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm BHN (-0.41 điểm); VCB (-0.33 điểm); DTL (-0.04 điểm); CTD (-0.03 điểm); SGN (-0.02 điểm)
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 2,300.1 tỷ đồng, tăng nhẹ so với phiên trước. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 7.34 điểm. Thị trường có 209 mã tăng và 83 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 10.07 điểm, đóng cửa tại 958.28 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 1.18 điểm lên 104.21 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 15.18 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VIC (10.96 tỷ), HVN (9.85 tỷ) và NVL (7.79 tỷ). Tuy nhiên, họ bán ròng 0.8 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index tăng nhẹ với lực mua tập trung vào các cổ phiếu bluechips như VIC, GAS, HVN, VNM, HPG. Trong phiên chiều, đà tăng trong phiên sáng được cải thiện và đóng cửa ở mức 958.28 do lực mua tăng mạnh ở VHM và GAS. Khối ngoại mua ròng nhẹ phiên hôm nay. Theo quan điểm của BSC, thị trường có phiên hồi phục tích cực cùng thanh khoản cải thiện. Tâm lý thị trường trong nước và khu vực có sự hồi phục nhẹ khi kỳ vọng của thị trường tập trung vào khả năng FED có thể sẽ giảm lãi suất 2 lần trong năm nay, khả năng hạ nhiệt căng thẳng thương mại Mỹ-Mexico và kỳ vọng vào khả năng các ngân hàng trung ương các nước sẽ có mức điều chỉnh chính sách thích hợp để giảm thiểu thiệt hại từ rủi ro chiến tranh thương mại Trung-Mỹ kéo dài.

Phân tích kỹ thuật:

MWG_Tăng giá

(Vui lòng tải và xem trang 2)

Câu chuyện cuối tuần:

DỤNG CỤ Y TẾ

(Vui lòng tải và xem trang 3)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **958.28**
Giá trị: 2300.16 tỷ **10.07 (1.06%)**
Khối ngoại (ròng): 15.18 tỷ

HNX-INDEX **104.21**
Giá trị: 270.14 tỷ **1.18 (1.15%)**
Khối ngoại (ròng): -0.8 tỷ

UPCOM-INDEX **54.61**
Giá trị: 308.09 tỷ **0.18 (0.33%)**
Khối ngoại (ròng): -0.82 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	53.3	1.31%
Giá vàng	1,334	-0.09%
Tỷ giá USD/VND	23,398	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,040	0.00%
Tỷ giá JPY/VND	21,556	-0.17%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	3.9%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	11.0	GAS	39.1
HVN	9.9	HPG	31.4
NVL	7.8	VNM	30.1
BVH	5.3	NBB	25.2
SSI	5.2	VCB	20.9

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Câu chuyện cuối tuần	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
iBroker	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

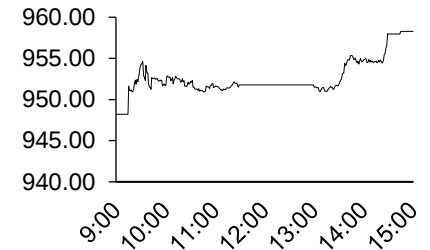
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
SAB	0.5	276.4	231.00	283.80	MUA MẠNH	Tăng giá kéo dài
VNM	2.0	126.6	125.22	136.00	NGƯNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VIC	1.5	117.0	105.00	122.40	NGƯNG MUA	Tăng giá kéo dài
GAS	2.4	103.0	99.00	113.50	NGƯNG BÁN	Giảm giá trong trung hạn
MWG	2.5	88.3	84.10	89.30	MUA	Tăng giá kéo dài
MSN	1.1	86.0	84.10	91.60	NGƯNG BÁN	Giảm giá trong trung hạn
VHM	2.0	82.2	78.43	88.10	NGƯNG MUA	Giảm giá kéo dài
PNJ	1.2	78.8	74.51	82.75	NGƯNG BÁN	Tăng giá kéo dài
BVH	1.0	78.3	75.00	79.80	MUA	Hồi phục trong ngắn hạn
VCB	1.4	65.6	64.00	70.00	NGƯNG BÁN	Giảm giá trong trung hạn

Đặng Quang

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

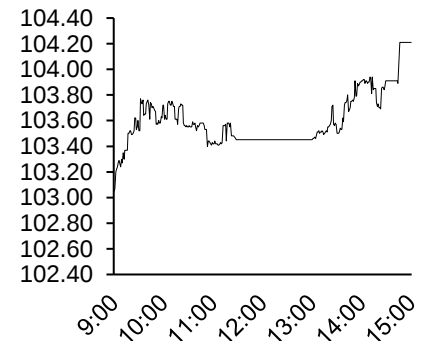
Phân tích kỹ thuật

MWG_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, RSI tiếp cận vùng mua quá.
- Đường MA: MA20 cắt lên MA200 và nằm trên MA50.

Nhận định: Cổ phiếu MWG đang xác lập xu thế tăng sau khi chạm ngưỡng hỗ trợ cũ tại 85. Thanh khoản cổ tăng trở lại trong 3 phiên gần đây và đã vượt mức trung bình 20 phiên. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều ủng hộ xu hướng tăng giá khi RSI có xu thế tăng mạnh và MACD đang cắt lên đường tín hiệu. Dải mây Ichimoku nâng đỡ đường giá và MA20 cắt lên MA200 cũng đều cho thấy vị thế tăng của MWG khá là vững chắc. Như vậy, cổ phiếu MWG nhiều khả năng sẽ vượt được vùng kháng cự 89-90 và trở về vùng giá 90-95 trong các phiên giao dịch tới. Nếu cổ phiếu không vượt được ngưỡng kháng cự 90 khi đã 4 lần không thành công vượt qua ngưỡng kháng cự này, thì sẽ hình thành mô hình 2 đáy tại ngưỡng giá 85 và xác lập một xu thế tăng vững chắc hơn.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGĐ
VN30F1906	874.8	1.0%	-36.5%
VN30F1907	873.1	0.9%	-32.3%
VN30F1909	877.5	1.0%	-61.7%
VN30F1912	878.9	1.1%	-59.4%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VHM	82	2.4	1.0
TCB	22	1.2	0.8
MWG	88	2.1	0.7
VIC	117	1.0	0.7
MBB	21	1.7	0.6

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VCB	66	0	-0.1
CTD	106	-1	-0.1
ROS	30	0	0.0
DHG	115	0	0.0
SBT	18	0	0.0

DỤNG CỤ Y TẾ

Cô giáo dặn học sinh:

- Ngày mai các em đem tới lớp một đồ dùng có liên quan đến bảo vệ sức khỏe.
- Hôm sau, nhất loạt các học sinh đều mang mỗi người một đồ vật.
- Tuấn, em đem gì tới?
- Thưa cô, em mang băng gạc dùng để băng vết thương ạ.
- Tốt lắm. Thế còn Tèo, em mang gì nào?
- Thưa cô, lọ ê-te dùng để rửa sạch vết thương ạ.
- Tý, em mang cái gì kia?
- Dạ, bình ôxy ạ?
- Em lấy ở đâu ra vậy?
- Dạ, của bà em.
- Thế bà nói gì khi em mang bình đi?
- Dạ, bà chỉ thở dài và phều phào nói: “Không được mang đi”

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	88.3	2.1%	0.7	1,700	2.5	7,159	12.3	3.9	49.0%	36.0%
PNJ	Bán lẻ	78.8	2.3%	1.0	763	1.2	4,802	16.4	4.3	49.0%	29.1%
BVH	Bảo hiểm	78.3	0.6%	1.3	2,386	1.0	1,622	48.3	3.6	25.2%	7.7%
PVI	Bảo hiểm	35.8	1.4%	0.8	360	0.2	2,459	14.6	1.2	51.2%	8.1%
VIC	Bất động sản	117.0	0.9%	1.1	17,021	1.5	1,303	89.8	6.6	14.9%	8.9%
VRE	Bất động sản	34.8	0.9%	1.1	3,519	1.3	1,033	33.6	2.8	32.1%	8.8%
NVL	Bất động sản	60.7	0.7%	0.8	2,456	1.5	3,686	16.5	2.9	7.0%	20.8%
REE	Bất động sản	32.6	1.9%	1.1	439	0.6	5,659	5.8	1.1	49.0%	20.6%
DXG	Bất động sản	18.3	2.0%	1.4	278	0.4	3,364	5.4	1.2	47.3%	25.1%
SSI	Chứng khoán	25.1	1.4%	1.3	555	0.7	2,169	11.5	1.4	58.5%	11.9%
VCI	Chứng khoán	30.7	0.5%	1.0	217	0.2	5,067	6.0	1.4	37.2%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.3	1.8%	1.5	309	0.3	2,009	11.6	1.0	56.2%	14.1%
FPT	Công nghệ	45.2	1.6%	0.9	1,333	2.6	4,061	11.1	2.3	49.0%	21.9%
FOX	Công nghệ	43.2	0.0%	0.4	467	0.0	3,778	11.4	2.9	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	103.0	3.2%	1.5	8,571	2.4	6,092	16.9	4.5	3.7%	27.0%
PLX	Dầu khí	62.4	1.1%	1.5	3,176	0.9	3,412	18.3	3.3	11.6%	18.2%
PVS	Dầu khí	22.6	4.1%	1.7	470	3.6	2,433	9.3	0.9	24.6%	10.1%
BSR	Dầu khí	13.4	1.5%	0.8	1,806	0.4	1,163	11.5	1.3	41.1%	11.0%
DHG	Dược	114.9	0.0%	0.5	653	0.0	4,199	27.4	5.0	54.2%	19.0%
DPM	Hóa chất	18.1	0.3%	0.7	307	0.1	1,289	14.0	0.9	22.7%	7.2%
DCM	Hóa chất	8.3	0.0%	0.7	191	0.1	978	8.5	0.7	2.7%	8.4%
VCB	Ngân hàng	65.6	-0.5%	1.3	10,578	1.4	4,367	15.0	3.3	23.7%	24.5%
BID	Ngân hàng	31.7	1.3%	1.6	4,712	0.6	2,150	14.7	2.0	3.1%	14.5%
CTG	Ngân hàng	20.5	0.7%	1.6	3,311	1.2	1,481	13.8	1.1	30.0%	8.1%
VPB	Ngân hàng	18.0	0.0%	1.2	1,917	1.2	2,705	6.6	1.2	23.2%	19.7%
MBB	Ngân hàng	20.6	1.7%	1.2	1,888	0.9	2,994	6.9	1.3	20.0%	20.2%
ACB	Ngân hàng	28.7	0.7%	1.1	1,556	0.4	4,297	6.7	1.6	34.3%	27.1%
BMP	Nhựa	44.5	4.7%	0.9	158	0.4	5,279	8.4	1.4	74.2%	17.0%
NTP	Nhựa	34.6	0.3%	0.3	134	0.0	4,066	8.5	1.3	21.2%	16.3%
MSR	Tài nguyên	20.7	2.5%	1.2	809	0.1	732	28.3	1.5	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.0	1.1%	1.0	2,755	5.1	2,956	7.8	1.5	39.5%	21.4%
HSG	Thép	7.6	0.0%	1.5	141	0.5	244	31.3	0.6	16.9%	1.8%
VNM	Tiêu dùng	126.6	0.1%	0.7	9,585	2.0	5,349	23.7	7.8	59.2%	34.4%
SAB	Tiêu dùng	276.4	0.9%	0.8	7,707	0.5	6,479	42.7	11.0	63.4%	28.0%
MSN	Tiêu dùng	86.0	0.9%	1.2	4,349	1.1	4,545	18.9	3.3	40.6%	22.0%
SBT	Tiêu dùng	17.8	0.0%	0.6	406	0.8	752	23.7	1.5	9.6%	6.1%
ACV	Vận tải	80.1	0.1%	0.8	7,582	0.2	2,630	30.5	5.7	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	122.2	0.7%	1.1	2,878	2.8	9,850	12.4	4.7	19.7%	43.3%
HVN	Vận tải	43.2	4.1%	1.7	2,664	2.1	1,747	24.7	3.4	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	26.5	0.6%	0.8	341	0.2	2,245	11.8	1.3	49.0%	11.3%
PVT	Vận tải	16.8	2.4%	0.7	205	0.3	2,387	7.0	1.2	32.8%	17.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	61.8	2.0%	0.9	421	0.2	6,806	9.1	3.3	2.5%	43.4%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.6	4.6%	0.8	402	1.0	1,385	14.9	1.4	12.4%	9.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.1	3.5%	0.8	267	0.1	1,744	9.2	1.2	6.3%	12.6%
CTD	Xây dựng	105.6	-1.3%	0.8	351	0.2	17,122	6.2	1.0	46.0%	16.9%
VCG	Xây dựng	26.3	0.4%	1.2	505	0.3	1,106	23.8	1.8	0.0%	8.3%
CII	Xây dựng	22.9	0.7%	0.5	246	0.2	337	67.9	1.1	53.4%	1.7%
POW	Điện	16.1	1.9%	0.6	1,634	2.2	820	19.6	1.5	14.7%	7.8%
NT2	Điện	27.2	0.9%	0.6	340	0.1	2,446	11.1	2.0	22.9%	15.5%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	82.20	2.37	1.90	572380.00
GAS	103.00	3.21	1.83	553140.00
VIC	117.00	0.95	1.10	286940.00
HVN	43.20	4.10	0.72	1.12MLN
SAB	276.40	0.88	0.46	40580.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	28.70	0.70	0.26	282188.00
PVS	22.60	4.15	0.23	3.77MLN
DBC	24.00	9.09	0.13	472763.00
SHB	7.10	1.43	0.11	4.42MLN
SHS	11.90	5.31	0.09	1.30MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BHN	97.00	-5.83	-0.42	200.00
VCB	65.60	-0.46	-0.33	490880.00
DTL	30.20	-6.93	-0.04	10.00
CTD	105.60	-1.31	-0.03	50660.00
SGN	93.10	-3.52	-0.02	3410.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAD	24.60	-25.23	-0.02	15180.00
WCS	169.00	-8.65	-0.01	2900.00
VC9	11.80	-9.92	-0.01	100.00
S99	9.50	-2.06	-0.01	26733.00
TIG	3.40	-2.86	-0.01	1.55MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PIT	5.35	7.00	0.00	750.00
RIC	4.75	6.98	0.00	200.00
TDM	30.70	6.97	0.05	926500.00
SZL	47.05	6.93	0.02	197740.00
HTL	17.90	6.87	0.00	10.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FID	1.10	10.00	0.00	200.00
MBG	5.50	10.00	0.01	48000.00
VNF	22.30	9.85	0.00	200.00
STC	17.90	9.82	0.00	100.00
VC1	13.70	9.60	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMA	13.35	-6.97	-0.01	50.00
HVH	25.40	-6.96	-0.01	457640.00
DTL	30.20	-6.93	-0.04	10.00
TCO	12.90	-6.86	-0.01	10.00
VNL	16.30	-6.86	0.00	10.00

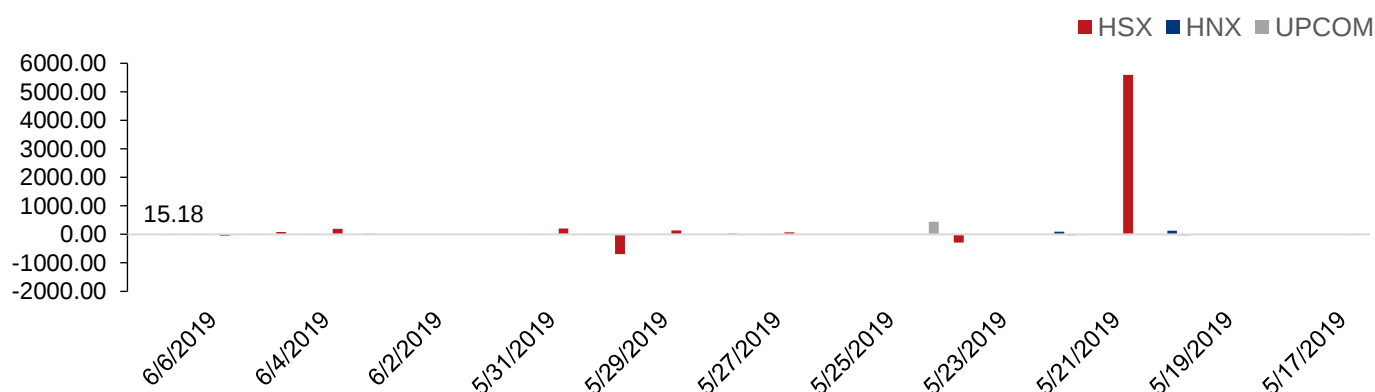
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAD	24.60	-25.23	-0.02	15180.00
ACM	0.50	-16.67	-0.01	28200.00
BII	0.90	-10.00	-0.01	987200.00
SFN	27.20	-9.93	-0.01	710.00
VC9	11.80	-9.92	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019_Hồi phục từ	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Báo cáo Tổng kết KQKD 2018	Phân tích ngành		Click	
4	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click	
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click	
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
10	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
12	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
19	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	DXG	Bất động sản	Mua	22/03/2019	22.5	30.5	18.3	3,364	5.4	1.2	Click	
2	CTD	Xây dựng	Theo dõi	22/03/2019	142.0	153.6	105.6	17,122	6.2	1.0	Click	
3	CSV	Hóa chất	Theo dõi	21/03/2019	32.3	36.6	28.0	5,748	4.9	1.4	Click	
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	21/03/2019	17.9	19.2	16.8	2,387	7.0	1.2	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Theo dõi	7/3/2019	30.4	32.7	28.7	4,297	6.7	1.6	Click	
6	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	7/3/2019	26.8	31.2	21.6	2,430	8.9	1.4	Click	
7	GMD	Cảng biển	Theo dõi	7/3/2019	27.8	29.1	26.5	2,245	11.8	1.3	Click	
8	SBT	Mía đường	Theo dõi	1/3/2019	19.8	21.2	17.8	752	23.7	1.5	Click	
9	PHR	Cao su	Theo dõi	6/3/2019	44.6	44.5	58.0	4,852	12.0	2.9	Click	
10	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	4/3/2019	89.5	91.0	86.0	4,545	18.9	3.3	Click	
11	DGW	Công nghệ	Mua	27/3/2019	23.1	27.4	22.4	2,862	7.8	1.2	Click	
12	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	38.3	8,690	4.4	1.8	Click	
13	HT1	Xây dựng	Mua	4/4/2019	16.2	18.4	16.1	1,744	9.2	1.2	Click	
14	PVI	Bảo hiểm	Mua	25/03/2019	36.0	41.7	35.8	2,459	14.6	1.2	Click	
15	HBC	Xây dựng	Theo dõi	29/3/2019	18.5	20.1	16.1	2,807	5.7	1.2	Click	
16	FPT	Công nghệ	Mua	25/04/2019	48.6	59.1	45.2	4,061	11.1	2.3	Click	
17	BCC	Xi măng	Mua	16/05/2019	9.1	11.2	8.0	1,113	7.2	0.5	Click	
18	VHC	Thủy sản	Mua	14/05/2019	91.5	108.6	90.6	17,884	5.1	1.9	Click	
19	DRC	Cao su	Theo dõi	14/05/2019	22.3	25.2	19.5	1,154	16.9	1.5	Click	
20	TNG	Dệt may	Theo dõi	08/05/2019	20.8	21.0	22.9	3,969	5.8	1.4	Click	



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2019Q2	16/5/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 108552; Giá tại Publish 91500, EPS 14193; PE 6.3. Giữ nguyên dự báo DT đạt mức 10,217 tỷ (+8% YoY) và LNST đạt 1,315 tỷ (-9.4% YoY) do do (1) Sản lượng tăng 10% (2) Giá bán giảm 5%. Biên LNG dự kiến đạt 19.8%. EPS dự phóng 2019 đạt 14,193 VND/cp.
Express TRA 2019Q2	23/5/2019	Nhà máy Traphaco Hưng Yên: (1) Vốn đầu tư: 500 tỷ (2) Năm hoàn thành: 2017 (3) Bao gồm 3 phân xưởng: Phân xưởng Thuốc nước: dây chuyền thuốc nước uống + dây chuyền thuốc nước dùng ngoài (Nước súc miệng TB): Công suất: 20 triệu đvsp/năm; Công nghệ: khâu pha chế (Việt Nam) + khâu đóng gói (Thái Lan + Trung Quốc). Phân xưởng Thuốc viên – mỡ: (1) Dây chuyền thuốc viên: công suất: 500 triệu đvsp/năm (2) Dây chuyền thuốc mỡ, cream: công suất: 20 triệu đvsp/năm (3) Công nghệ: khâu pha chế (Việt Nam) + khâu đóng gói (Đài Loan)
Express ANV 2019Q2	17/5/2019	Năm 2019, công ty đặt KH DT và LNST lần lượt là 5,000 tỷ (+21.4% YoY) và 700 tỷ (+15.8% YoY). Công ty dự kiến phát hành 30 triệu cổ phiếu vào năm 2020 để đầu tư vùng nuôi Bình Phú. Kết thúc năm 2018, ANV ghi nhận DT và LNST lần lượt đạt 4,118 tỷ (+40% YoY) và 604.2 tỷ (+320% YoY). Cơ cấu DT là: 84% cá tra fillet, 10% thức ăn thủy sản, 4.5% phụ phẩm. Cơ cấu thị trường xuất khẩu: Trung Quốc (20%), Brazil (17%), Thái Lan (14%), EU (13%), Colombia (10%), Mexico (9%).
Express PHR 2019Q2	16/5/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 59800, EPS 4660; PE 10; PB 2.97. Kinh doanh mủ cao su: Sản lượng tiêu thụ quý 1/2019 là 6,649.12 tấn mủ thành phẩm (+86% yoy), giá bán bình quân 32 triệu đồng/tấn (-12% yoy). Doanh thu thành phẩm đạt 213.2 tỷ đồng (+11% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

